

Bản án số: 168/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H; nơi ĐKKHKT: P, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số A, ngõ C đường H, quận V, thành phố Đ, Đài Loan; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Minh T; nơi ĐKKHKT: P, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Phấn D, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại T1 tại V (Liên bang N) vào ngày 13/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống được hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi chị H sang Đài Loan xuất khẩu lao động thì vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, vấn đề kinh tế gia đình và tình cảm gia đình hai

bên không có tiếng nói chung. Do vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng nên chị H không về Việt Nam mà vẫn sinh sống tại Đài Loan. Chị H đã trao đổi với anh T về việc ly hôn, anh T cũng nhất trí nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Minh T.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh c 01 con chung là cháu Đỗ Việt A, sinh ngày 27/12/2014. Ly hôn, chị H đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do chị H đang ở Đài Loan. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Bản tự khai, anh Đỗ Minh T trình bày như sau:

Anh Đỗ Minh T và chị Phạm Thị H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại T1 tại V (Liên bang N) vào ngày 13/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Nga đến năm 2016 thì về Việt Nam. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị H sang Đài Loan xuất khẩu lao động, vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T và chị H được ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh Đỗ Minh T và chị Phạm Thị H có 01 con chung là cháu Đỗ Việt A, sinh ngày 27/12/2014, hiện đang ở với anh T. Ly hôn, anh T đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Đỗ Minh T nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Nguyên đơn là chị Phạm Thị H hiện đang sinh sống tại Đài Loan nhưng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng, bị đơn là anh Đỗ Minh T hiện đang sinh sống tại Hải Phòng. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh T nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh T theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại T1 tại V (Liên bang N) vào ngày 13/8/2014. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn, nhận thấy: Quá trình chung sống, chị Phạm Thị H1 anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách phát triển kinh tế, vợ chồng anh chị đã ly thân một thời gian dài, đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn với anh T, anh T đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn với nhau. Nhận thấy, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Đỗ Minh T.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh T có một con chung là cháu Đỗ Việt A, sinh ngày 27/12/2014. Ly hôn, chị H và anh T cùng đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Đỗ Việt A đang ở với anh T, anh T vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, yêu cầu giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc tạm thời chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đỗ Minh T.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Việt A, sinh ngày 27/12/2014 cho anh Đỗ Minh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh T về việc tạm thời chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Minh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000421 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Đỗ Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Vladivostok (Liên bang Nga);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Phạm Văn Phích

